

ĐIỀU CHỈNH CHÍNH SÁCH THU HÚT FDI CỦA TRUNG QUỐC SAU KHI GIA NHẬP WTO

THS. NGUYỄN THU HẠNH
Cao đẳng Sư phạm Hà Nội

Sau giai đoạn phát triển mạnh mẽ về quy mô FDI với “bất kỳ giá nào”, Trung Quốc đã nhận ra những tác động tiêu cực không có lợi cho nước này như: không có sự cải thiện đáng kể về trình độ khoa học - công nghệ cho Trung Quốc; sản phẩm của Trung Quốc mới dừng lại ở sản xuất với số lượng lớn nhưng hàm lượng khoa học - công nghệ chưa cao. Kết quả, Trung Quốc chưa trở thành cường quốc về khoa học và công nghệ và mới dừng lại với vai trò là “công xưởng của thế giới”. Trung Quốc còn phải đối mặt với tình trạng ô nhiễm môi trường ngày càng tăng do không kiểm soát được công nghệ, tình trạng nền kinh tế rơi vào tăng trưởng “nóng” và nhiều vấn đề tiêu cực khác⁽¹⁾.

Sự kiện Trung Quốc gia nhập WTO là tất yếu khách quan trong quá trình Trung Quốc hội nhập kinh tế quốc tế. Gia nhập WTO không chỉ đem lại thuận lợi mà còn đưa đến những thách thức đối với Trung Quốc trong phát triển kinh. Điều này đòi hỏi Trung Quốc phải điều chỉnh chính sách phát triển kinh tế nói chung và chính sách thu hút FDI nói riêng với mục đích

đưa kinh tế phát triển cả về quy mô lẫn chất lượng, với một vị trí hàng đầu trong phát triển kinh tế trên thế giới⁽²⁾.

1. Nội dung điều chỉnh chính sách thu hút FDI

1.1. Chính sách pháp lý

♦ Điều chỉnh Luật, quy định

Từ khi gia nhập WTO năm 2001 cho đến nay, Trung Quốc tiếp tục hoàn thiện khung khổ pháp lý theo những cam kết với WTO. Trung Quốc đã sửa đổi một loạt luật và quy định và ban hành một số luật và các quy định mới. Tháng 11- 2001, quy định về mua lại và sáp nhập cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FFE) được ban hành. Thông qua quy định này, Trung Quốc đã tạo cơ sở pháp lý cho các hình thức đầu tư nước ngoài trở nên phong phú hơn, thu hút hơn nữa các công ty xuyên quốc gia (TNCs) đến đầu tư, từ đó nâng cao chất lượng nguồn vốn này. Quy định này được thực thi vào tháng 1-2002 và được sửa đổi bổ sung năm 2004.

Năm 2006, Chính phủ Trung Quốc tiếp tục điều chỉnh Luật đầu tư nước ngoài lần

thứ 4. Bên cạnh đó một loạt các quy định cũng được ban hành để đảm bảo sự cạnh tranh bình đẳng hơn giữa các doanh nghiệp trong nước và các doanh nghiệp sử dụng vốn nước ngoài. Trung Quốc đã ban hành và sửa đổi các đạo luật và chính sách tự do hơn nhằm khuyến khích đầu tư vào các ngành công nghiệp có hàm lượng kỹ thuật và công nghệ cao như: Luật sở hữu trí tuệ và chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân và những luật này tiếp tục bổ sung và sửa đổi vào năm 2007.

♦ *Phạm vi điều chỉnh*

- Điều chỉnh theo ngành và lĩnh vực kinh tế

Trên cơ sở thực hiện những cam kết với WTO đồng thời thực hiện chiến lược lâu dài hướng về xuất khẩu, Trung Quốc đã ban hành *Danh mục đầu tư* và có hiệu lực từ ngày 1-4-2002 với mục đích phát triển các ngành sản xuất ở Trung Quốc đáp ứng những mục tiêu mà Trung Quốc đề ra.

Trên nguyên tắc mở cửa và tự do hoá đầu tư và phát triển các lợi thế của Trung Quốc, trong quyết định này, Trung Quốc đã nâng hạng mục khuyến khích đầu tư từ 116 hạng mục lên thành 262 hạng mục, tập trung khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào cải tạo sản xuất nông nghiệp truyền thống và phát triển ngành này theo hướng hiện đại hoá và đáp ứng yêu cầu của kinh tế thị trường. Bên cạnh đó, Trung Quốc khuyến khích đầu tư vào cơ sở hạ tầng và các ngành sản xuất cơ bản như: giao thông, năng lượng và nguyên vật liệu. Trong việc điều chỉnh đầu tư vào các ngành, Trung Quốc khuyến khích đầu tư vào các ngành kỹ thuật cao,

công nghệ mới của thế giới như công nghệ điện tử, sinh học, nguyên vật liệu mới và ngành hàng không vũ trụ, khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực R&D. Với mục tiêu đưa nền kinh tế phát triển toàn diện, Trung Quốc đã khuyến khích đầu tư vào các ngành công nghiệp truyền thống với kỹ thuật mới, đầu tư vào lĩnh vực sử dụng tổng hợp nguồn tài nguyên và tái sinh tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái và quản lý đô thị.

Cùng với việc nâng các hạng mục được đầu tư, các ngành bị hạn chế đầu tư cũng được giảm mạnh, từ 112 xuống còn 75 và sẽ tiếp tục giảm theo lộ trình đã cam kết với WTO. Các ngành nhạy cảm với chính trị, an ninh xã hội trước đây vốn bị cấm nay cũng được phép đầu tư như: bưu chính viễn thông, khí đốt, ngân hàng, bảo hiểm, dịch vụ tư vấn pháp luật.

Tháng 11-2004, Trung Quốc ban hành *Danh mục hướng dẫn đầu tư nước ngoài* mới và có hiệu lực từ tháng 1-2005 gồm có 3 hạng mục đó là các ngành khuyến khích đầu tư, các ngành cấm đầu tư và các ngành hạn chế đầu tư. Những ngành khuyến khích đầu tư được hưởng chế độ ưu đãi đặc biệt về thuế, được phép đầu tư dưới tất cả các hình thức còn các ngành và lĩnh vực hạn chế đầu tư chỉ được phép lựa chọn hình thức doanh nghiệp liên doanh. Một điểm mới trong lần điều chỉnh này là các ngành không được đề cập đến trong danh mục hướng dẫn đầu tư nước ngoài và không thuộc ngành hạn chế đầu tư trong các quy định khác của Chính phủ là những ngành được phép đầu tư. Đồng thời số lượng ngành hạn chế đầu tư tiếp tục giảm. Năm 2006, Chính phủ Trung Quốc tiếp tục

điều chỉnh Luật đầu tư nước ngoài lần thứ 4 với hai biện pháp điều chỉnh cơ bản: *Một là*, các điều khoản cho phép các nhà đầu tư nước ngoài sáp nhập và mua lại các doanh nghiệp nhà nước, nhằm quản lý tốt hơn đầu tư nước ngoài và tăng cường tính minh bạch trong quá trình điều tiết và quản lý vốn đầu tư; *Hai là*, danh mục các chỉ dẫn đầu tư nước ngoài trong các ngành công nghiệp, nhằm giới hạn đầu tư nước ngoài trong các ngành cụ thể theo ba loại: khuyến khích đầu tư, hạn chế đầu tư và cấm đầu tư.

- Điều chỉnh theo phát triển kinh tế vùng

Trung Quốc là quốc gia đất rộng người đông, sự chênh lệch trong phát triển các vùng, miền là rất lớn. Để khoảng cách này được rút ngắn, chính sách thu hút FDI của Trung Quốc đã được điều chỉnh theo hướng phát triển kinh tế vùng. Sau giai đoạn tập trung phát triển các khu vực ven biển thuộc các tỉnh miền Đông của Trung Quốc với các đặc khu kinh tế, khu chế xuất được đầu tư công nghệ cao, số vốn đầu tư lớn nên đã tạo ra bước phát triển nhanh chóng của khu vực này. Từ thành công này Trung Quốc khuyến khích đầu tư trực tiếp nước ngoài vào miền Trung và miền Tây, đặc biệt là miền Tây với chủ trương “*tiến về miền Tây*”. Hiện nay khoảng cách chênh lệch giữa miền Đông và miền Tây khá lớn. Theo số liệu thống kê của Trung Quốc, GDP bình quân đầu người năm 2008 của khu vực miền Tây ít hơn 45,6% so với khu vực miền Đông. Tương tự, đầu tư tính theo đầu người ở miền Tây ít hơn 60% và thu nhập bình quân đầu người ít hơn 43,6% so với miền Đông. Vì vậy, Trung Quốc rất coi

trọng đầu tư phát triển miền Tây. Khai thác và phát triển miền Tây là chiến lược kinh tế - xã hội lớn của Trung Quốc, một phần trong chiến lược hiện đại hóa của đất nước trong thế kỷ XXI. Trung Quốc xác định thực hiện chiến lược này trong 50 năm, chia làm 3 giai đoạn nhằm thực hiện các mục tiêu chủ yếu là đẩy mạnh phát triển cơ sở hạ tầng, giúp thực lực cạnh tranh của miền Tây tăng lên toàn diện, thực hiện đô thị hóa hơn 50% các vùng thuộc miền Tây, đưa miền Tây phát triển ngang bằng miền Đông vào năm 2050. Trong giai đoạn 2000 - 2009, Trung Quốc đã đầu tư 2.200 tỷ NDT (hơn 323 tỷ USD) xây dựng 120 dự án lớn ở khu vực miền Tây và đã tạo ra những thay đổi to lớn ở khu vực này. Theo Ủy ban Cải cách và phát triển Trung Quốc, năm 2009, chính phủ Trung Quốc đã quyết định khởi công xây dựng mới 18 công trình trọng điểm, tổng quy mô đầu tư là 468,9 tỷ Nhân dân tệ. Những công trình trọng điểm này bao gồm: tuyến đường sắt Thành Đô (tỉnh Tứ Xuyên)- Lan Châu (tỉnh Cam Túc), đường sắt Trùng Khánh (Quý Dương), đường sắt Côn Minh – Nam Ninh, đường cao tốc Quảng Nguyên - Nam Sung, đầu mối thủy lợi Đình Tử Khẩu sông Gia lăng (Tứ Xuyên), nâng cấp mở rộng sân bay Song Lưu Thành Đô, sân bay nhỏ miền Tây, xây dựng điện lực vùng chưa có điện...

Với mục tiêu xây dựng một *xã hội hài hòa*, Trung Quốc đã kêu gọi các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào các ngành có lợi thế tiềm năng về môi trường, năng lượng, nguồn nhân lực, kỹ thuật và thị trường với các ưu đãi về các hạng mục đầu tư, vốn, thuế hơn hẳn các khu vực khác

trên lãnh thổ Trung Quốc. Bên cạnh đó các tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc tỉnh và khu tự trị của khu vực miền Tây và miền Trung được lựa chọn các khu kinh tế ở địa phương được phép thành lập Khu phát triển cấp Nhà nước⁽³⁾. Kết quả, dòng vốn FDI vào khu vực miền Tây và miền Trung tăng mạnh với tỷ lệ tăng trưởng cao hơn hẳn miền Đông.

1.2. Chính sách tài chính

Trước khi Trung Quốc gia nhập WTO, Trung Quốc đã thực hiện chính sách khuyến khích các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào Trung Quốc. Sau khi gia nhập WTO Trung Quốc vẫn tiếp tục thực hiện chính sách này nhưng những ưu đãi đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài có sự thay đổi theo những cam kết với WTO và mục tiêu phát triển của Trung Quốc. Các ưu đãi được Trung Quốc thực thi như: Chính sách ưu đãi về thuế đối với đầu tư vào các ngành, vùng, hướng về xuất khẩu mà Trung Quốc khuyến khích; chính sách hỗ trợ tài chính như tạo điều kiện cho các FFE tiếp cận được nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng ngân hàng và từ thị trường chứng khoán; Chính phủ Trung Quốc còn cung cấp dịch vụ tránh sự rủi ro chính trị và bảo đảm quyền lợi cho nhà đầu tư.

♦ Chính sách thuế:

Quá trình điều chỉnh chính sách thuế của Trung Quốc đã tạo ra hệ thống thuế hiện hành của Trung Quốc gồm 26 loại thuế và được chia thành 8 nhóm tùy theo tính chất và chức năng.

Nội dung cụ thể như sau:

- *Nhóm 1:* Nhóm thuế doanh thu gồm 3 loại thuế với thuế giá trị gia tăng, thuế

tiêu thụ và thuế kinh doanh. Các loại thuế này được đánh trên doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ.

- *Nhóm 2:* Nhóm thuế thu nhập với thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập doanh nghiệp nước ngoài và thuế thu nhập cá nhân. Kể từ ngày 1-1-2008, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp mới thay thế cho thuế thu nhập doanh nghiệp (áp dụng cho doanh nghiệp trong nước) và thuế thu nhập doanh nghiệp nước ngoài. Các loại thuế này đánh vào lợi nhuận kinh doanh và thu nhập cá nhân.

- *Nhóm 3:* Nhóm thuế tài nguyên với thuế tài nguyên và thuế sử dụng đất đô thị. Các loại thuế này được áp dụng vào việc khai thác tài nguyên và những người sử dụng đất.

- *Nhóm 4:* Nhóm thuế cho những mục đích đặc biệt với thuế bảo trì và xây dựng thành phố, thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế điều chỉnh định hướng đầu tư tài sản cố định, thuế tăng giá trị đất và thuế mua phương tiện vận chuyển.

- *Nhóm 5:* Nhóm thuế tài sản bao gồm thuế nhà, thuế bất động sản đô thị và thuế thừa kế.

- *Nhóm 6:* Nhóm thuế hành vi với thuế sử dụng phương tiện vận chuyển, thuế giấy phép sử dụng phương tiện vận chuyển, thuế tem, thuế chứng thư, thuế chuyển nhượng chứng khoán, thuế sát sinh và thuế tiệt. Các loại thuế này được áp dụng trên các hành vi cụ thể.

- *Nhóm 7:* Nhóm thuế nông nghiệp bao gồm thuế nông nghiệp và thuế chăn nuôi.

- *Nhóm 8:* Nhóm thuế xuất nhập khẩu với thuế nhập khẩu và thuế xuất khẩu và

thuế tiêu thụ đặc biệt được áp dụng cho việc xuất khẩu hoặc nhập khẩu hàng hóa vào lãnh thổ Trung Quốc.

Trong đó, hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài chịu 14 loại thuế. Các loại thuế đó là: thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ, thuế kinh doanh, thuế thu nhập doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, thuế thu nhập cá nhân, thuế tài nguyên, thuế tăng giá trị đất, thuế bất động sản đô thị, thuế giấy phép sử dụng phương tiện vận chuyển, thuế tem, thuế chứng thư, thuế sát sinh, thuế nông nghiệp và thuế xuất nhập khẩu. Các doanh nghiệp Hoa Kiều có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài phải chịu thuế như người nước ngoài và các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài khác.

Sự điều chỉnh chính sách thuế của Trung Quốc được dẫn chứng cụ thể như sau:

Nhằm tạo ra môi trường đầu tư thuận lợi cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Trung Quốc đã ban hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Khi Luật thuế thu nhập doanh nghiệp có hiệu lực từ ngày 1-1-2008 cũng là thời điểm không còn sự khác biệt mà thay vào đó là sự thống nhất các mức thuế thu nhập giữa doanh nghiệp trong nước và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FIEs). Hướng điều chỉnh chính sách thuế tập trung nhằm thu hút nguồn vốn FDI đã được mở rộng sang các loại thuế khác như “*Tiền sử dụng đất của các FIEs và người nước ngoài*” bị xóa bỏ. Ngoài ra, “*thuế sử dụng tàu, xe*” đối với các cá nhân và doanh nghiệp trong nước và “*thuế môn bài tàu, xe*” đối với các cá nhân và doanh nghiệp nước ngoài đã được

thống nhất thành “*thuế tàu, xe*” được áp dụng vào tất cả các đối tượng là cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức trong nước và nước ngoài⁽⁴⁾.

Việc cải cách hệ thống thuế của Trung Quốc trong đó có chính sách thuế đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài đã góp phần tạo nên một hệ thống thuế hợp lý hơn, vừa đáp ứng những yêu cầu của WTO, vừa mang lại lợi ích để thúc đẩy kinh tế Trung Quốc phát triển.

Trong các hạng mục thuế của Trung Quốc hiện hành, các hạng mục thuế cơ bản là các loại thuế gián tiếp từ các hàng hóa và dịch vụ và các loại thuế thu nhập trực tiếp từ các cá nhân và doanh nghiệp. Đầu tư trực tiếp nước ngoài được coi là một bộ phận tham gia vào nền kinh tế Trung Quốc thì tất yếu phải chịu tác động của các hạng mục thuế kể trên trong đó có thuế VAT và thuế thu nhập của doanh nghiệp và cá nhân. Sau khi gia nhập WTO, Trung Quốc đã có những điều chỉnh các nguồn vốn này để điều tiết cung cầu và theo hướng thu hút đầu tư trong đó có đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Thuế VAT thu được chủ yếu từ nguồn nhập khẩu các loại hàng hóa và một số dịch vụ, được áp dụng trên cơ sở sản xuất (*production-based VAT*) thay cho thuế VAT dựa trên cơ sở tiêu thụ (*consumption-based VAT*). Như vậy, các hoạt động đầu tư dùng vốn đầu tư lớn sẽ phải chịu mức thuế cao hơn.

Cũng giống như những sản phẩm trong nước, hàng nhập khẩu cũng phải chịu mức thuế giá trị gia tăng (VAT) với các mức thuế hiện nay là 13% và 17%. Việc áp

dùng thuế VAT cũng ảnh hưởng đến sản xuất của các doanh nghiệp dùng vốn đầu tư nước ngoài vì nó có thể làm tăng giá các yếu tố đầu vào của sản xuất, từ đó làm tăng chi phí sản xuất và hiệu quả kinh doanh có thể giảm sút. Chính vì vậy, Trung Quốc đã điều chỉnh mức thuế VAT đối với một số mặt hàng như các sản phẩm nghe nhìn và các dạng ấn phẩm điện tử nhập khẩu được giảm từ 17% xuống còn 13% từ ngày 15/9/2007 và một số sản phẩm khác được nhập vào các đặc khu kinh tế cũng có thể được giảm hoặc miễn thuế. Thuế VAT còn được điều chỉnh từ áp dụng trên cơ sở sản xuất chuyển sang áp dụng trên cơ sở tiêu thụ được thí điểm tại vùng Đông Bắc Trung Quốc.

Tuy nhiên Trung Quốc cũng rất chú trọng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của mình. Vì vậy mà trong chính sách đối với VAT có đặc điểm thường không được hoàn đủ thuế đối với hàng xuất khẩu. Năm 2003, các khoản nợ hoàn thuế chiếm khoảng 2,1% GDP. Trong khi thuế VAT thường được duy trì ở mức 13% hoặc 17% tùy vào loại hàng hóa có liên quan.

Để đảm bảo hiệu quả của FDI, cũng như sự phát triển bền vững, Trung Quốc đã có những quy định mức thuế cao hơn đối với các hàng hóa nhạy cảm như các hàng hóa liên quan đến năng lượng phải chịu mức thuế xuất khẩu từ 5% - 15% từ tháng 11-2007 nhằm hạn chế đầu tư vào các ngành liên quan và cắt giảm các mặt hàng xuất khẩu từ đó có thể giảm thặng dư thương mại đang nghiêng về Trung Quốc trong cán cân thương mại với nhiều nước khác trên thế giới. Đánh giá chung thuế VAT được Chính phủ Trung Quốc

được xem là một công cụ chính sách kinh tế để điều tiết nền kinh tế Trung Quốc nói chung và hoạt động đầu tư nước ngoài tại Trung Quốc nói riêng.

Chính phủ Trung Quốc còn dùng thuế trực thu bao gồm thuế thu nhập cá nhân và thuế thu nhập doanh nghiệp để điều tiết, hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Trung Quốc. Năm 2004, thuế thu nhập cá nhân chiếm 7,2% và doanh nghiệp chiếm 16,4% trong tổng nguồn thu thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp gồm hai hệ thống khác biệt, một loại được áp dụng cho các doanh nghiệp trong nước và một loại cho các doanh nghiệp nước ngoài với cơ chế ưu đãi. Các doanh nghiệp dùng vốn đầu tư nước ngoài trong các đặc khu kinh tế và các khu vực khác được hưởng mức thuế ưu đãi từ 15% - 24%. Ngược lại, các doanh nghiệp trong nước phải chịu mức thuế ấn định là 33%. Trung Quốc sử dụng chính sách thuế như vậy nhằm thu hút đầu tư nước ngoài vào Trung Quốc nhưng sự khác biệt đó cũng chính là sự bất cập trong chính sách thuế của Trung Quốc và đưa đến những tác động tiêu cực như tạo ra tâm lý bị phân biệt đối xử đối với các doanh nghiệp dùng vốn đầu tư trong nước và lợi dụng chính sách này để thực hiện đầu tư nước ngoài “giả mạo”. Khắc phục sự bất cập này và tạo ra một môi trường đầu tư minh bạch và thuận lợi, Trung Quốc đã cố gắng khắc phục sự bất cập này. Từ ngày 01/01/2008, Trung Quốc đã thống nhất hai hệ thống thuế này thành một. Các doanh nghiệp dùng vốn trong nước và các doanh nghiệp dùng vốn nước ngoài đều cùng chịu một mức thuế thu nhập doanh nghiệp như nhau.

Chính sách tiền tệ:

Trong chính sách tiền tệ của Trung Quốc bao gồm chính sách về tỷ giá, chính sách về lãi suất, chính sách dự trữ tiền tệ và hoạt động của hệ thống ngân hàng, chính sách về các công cụ tiền tệ và tín dụng. Trung Quốc chủ trương điều chỉnh chính sách tiền tệ theo hướng lúc “thắt chặt”, lúc “nới lỏng”

- Chính sách tỷ giá ngoại hối: Chính sách tỷ giá ngoại hối đối với Trung Quốc sau khi gia nhập WTO không có những thay đổi đáng kể. Với chủ trương định giá đồng NDT theo đồng USD thấp hơn so với thực tế. Bởi sự tăng giá mạnh đồng NDT sẽ tạo ra khó khăn cho Trung Quốc trong việc kiềm chế lạm phát và bất lợi cho xuất khẩu của Trung Quốc, làm cho dòng vốn đầu tư vào thị trường bất động sản giảm và khó khăn cho Trung Quốc trong nỗ lực thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp vào Trung Quốc khi giá trị đồng USD thấp hơn so với đồng NDT. Các nhà đầu tư sẽ chuyển hướng đầu tư sang các nền kinh tế khác có giá trị đồng USD cao hơn.

Khi gia nhập WTO tháng 12-2001, Trung Quốc tuyên bố thực hiện cam kết sẽ dần điều chỉnh chính sách tiền tệ nhưng sự điều chỉnh của Trung Quốc về tỷ giá hối đoái được thực hiện rất chậm. Trước sức ép của các đối tác thương mại với Trung Quốc trong đó có thể kể như Mỹ, EU và Nhật Bản, Trung Quốc buộc phải điều chỉnh chính sách tỷ giá hối đoái. Ngày 21-7-2005, Đồng NDT được nâng giá trị lên 2,1% với chủ trương “tỷ giá hối đoái thả nổi có kiểm soát”. Nhưng trước cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, Trung Quốc thực

hiện chính sách cố định tỷ giá hối đoái nhằm đối phó với khủng hoảng. Tháng 7-2008, Trung Quốc “trôi” đồng NDT với mức 6,83 NDT/USD. Quan điểm này của Trung Quốc đã tạo ra bất lợi cho các đối tác thương mại lớn của Trung Quốc và tới cán cân thương mại toàn cầu, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế thế giới. Sự phản đối chính phủ Trung Quốc từ Mỹ và các nước khác đã buộc Chính phủ Trung Quốc phải tiếp tục điều chỉnh chính sách tỷ giá hối đoái. Tháng 6-2010, Trung Quốc tuyên bố nới lại cải cách tỷ giá hối đoái đồng NDT và tăng tính linh hoạt tiền tệ.

- Chính sách lãi suất: Trung Quốc sử dụng lãi suất để kiểm soát dòng vốn đầu tư vào Trung Quốc, thúc đẩy các hoạt động thương mại, tín dụng và hoạt động sản xuất ở trong nước.

Trước cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu từ năm 2008 cho đến nay, Trung Quốc đã điều chỉnh chính sách tiền tệ của mình đó là vừa thắt chặt vừa nới lỏng. Bước sang năm 2010, trước áp lực trong quan hệ kinh tế quốc tế đặc biệt là áp lực của các đối tác lớn trong thương mại và đầu tư, Trung Quốc tiếp tục nới lỏng chính sách tiền tệ. Theo thông báo của Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBOC) ngày 8-7-2010, Trung Quốc sẽ tiếp tục từng bước nới lỏng chính sách tiền tệ. PBOC cho biết sẽ áp dụng các công cụ tiền tệ khác nhau nhằm bảo đảm tăng hợp lý nguồn cung tiền và điều chỉnh cơ cấu tín dụng để giảm thiểu các nguy cơ tiềm ẩn. PBOC cũng tiếp tục khẳng định sẽ cải thiện cơ chế tỷ giá nhân dân tệ và điều chỉnh tỷ giá hợp lý.

1.3. Chính sách khác

♦ Chính sách sở hữu

Trước khi gia nhập WTO, Trung Quốc đã thừa nhận chính sách đa sở hữu, thừa nhận sở hữu tư nhân trong đó có sở hữu của các nhà đầu tư nước ngoài tại Trung Quốc. Nhưng thực tế chính sách sở hữu của Trung Quốc vẫn còn có hạn chế về tài sản sở hữu của các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư tại Trung Quốc. Trung Quốc vẫn chưa có luật về bảo vệ quyền sở hữu tài sản tư. Hạn chế của chính sách sở hữu đã trở thành trở ngại trong thu hút FDI vào Trung Quốc. Khắc phục trở ngại này, Trung Quốc đã ban hành Luật sở hữu tài sản tư vào tháng 3-2007. Luật Sở hữu tài sản quy định quyền sở hữu tài sản công và sở hữu tài sản sẽ được bảo vệ bình đẳng trước pháp luật. Như vậy, tài sản của các nhà đầu tư nước ngoài được bảo vệ tốt hơn về mặt pháp luật. Luật sở hữu tài sản tư là bước đi quan trọng giúp Trung Quốc thoát khỏi chính sách bình quân vốn ăn sâu trong xã hội để chuyển mạnh sang nền kinh tế thị trường.

♦ Chính sách đất đai

Từ sau khi gia nhập WTO, kinh tế Trung Quốc có thêm động lực mạnh mẽ để thúc đẩy kinh tế phát triển. Sự bùng nổ tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc dẫn đến diện tích đất được huy động ngày càng lớn đặc biệt đất được huy động cho công nghiệp, xây dựng, khai thác tài nguyên. Điều đó dẫn đến những khó khăn, xung đột xảy ra giữa các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Đặc biệt là sự xung đột giữa các nhóm lợi ích trong xã hội xung quanh vấn đề sử dụng đất ở Trung Quốc. Trong

các vụ khiếu kiện, thì khiếu kiện xung quanh vấn đề đất đai là lớn nhất. Bộ Công an Trung Quốc cho biết trong năm 2005, con số được báo cáo về số vụ khiếu kiện đông người lên đến 87.000, tăng 6,6% so với năm 2004 và tăng 50% so với năm 2003. Chính vì vậy, chính sách đất đai của Trung Quốc buộc phải điều chỉnh cho phù hợp⁽⁵⁾.

Ngày 27-6-2009, Luật Trọng tài giải quyết tranh chấp kinh doanh, nhận thầu đất đai nông thôn đã được Quốc hội Trung Quốc thông qua, nhằm giải quyết những tranh chấp về đất đai trong khu vực nông thôn Trung Quốc. Những việc tranh chấp, nhận thầu kinh doanh đất nông thôn bao gồm:

- + Việc giải quyết những phát sinh trong nhận thầu đất đai nông thôn do ký kết, thực hiện, thay đổi, hủy bỏ, chấm dứt.

- + Tranh chấp phát sinh do quyền kinh doanh nhận thầu đất nông thôn.

- + Tranh chấp do phát sinh xâm phạm quyền kinh doanh nhận thầu đất nông thôn.

- + Tranh chấp do phát sinh xâm phạm quyền kinh doanh nhận thầu đất nông thôn theo các quy định khác của Luật pháp và các quy định pháp quy.

Bên cạnh đó tranh chấp phát sinh do việc tịch thu và bồi thường đất nông nghiệp thuộc quyền sở hữu tập thể, không thuộc phạm vi quản lý của ủy ban trọng tài nhận thầu đất nông thôn, có thể thông qua các phương án giải quyết như xem xét các thủ tục hành chính hoặc tố tụng. Trong giải quyết các tranh chấp, Luật nhấn mạnh trách nhiệm của các cấp chính quyền địa phương trong giải quyết tranh

chấp. Việc ban hành Luật Trọng tài giải quyết tranh chấp kinh doanh, nhận thầu đất đai nông thôn đã tạo ra cơ sở pháp lý đến các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đầu tư vào sản xuất nông nghiệp hoặc có sử dụng đất đai trong khu vực nông thôn để xây dựng cơ sở kinh doanh cũng như giải quyết thỏa đáng lợi ích của Trung Quốc khi có tranh chấp xảy ra⁽⁶⁾.

♦ *Chính sách lao động*

Từ sau khi gia nhập WTO, Trung Quốc đặt mục tiêu nâng cao chất lượng lực lượng lao động nhằm đưa nền kinh tế Trung Quốc từ phát triển theo quy mô chuyển sang phát triển theo chiều sâu, tạo ra sự đột phá về kỹ thuật trong sản xuất, tạo ra các thương hiệu cho các sản phẩm Trung Quốc trên thị trường thế giới. Hiện nay hàng hóa Trung Quốc được sản xuất nhiều nhưng để có thương hiệu như các hàng hóa của các nước phát triển khác thì không nhiều. Bởi vì Trung Quốc còn hạn chế về công nghệ. Đội ngũ nhân lực có trình độ cao không phải là nhiều là nguyên nhân chính dẫn đến hạn chế về kỹ thuật sản xuất. Hiện nay, mức độ phát triển nhân tài của Trung Quốc so với các nước phát triển khác trên thế giới vẫn còn một khoảng cách khá lớn và chưa thật sự đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội của Trung Quốc. Mặc dù, Trung Quốc có số lượng các nhà nghiên cứu khoa học rất lớn, khoảng 38 triệu người, nhưng chỉ có khoảng mười nghìn người trong số họ là chuyên gia hàng đầu. Điều đó cũng là một khó khăn rất lớn khi Trung Quốc đẩy mạnh thu hút đầu tư vào R&D của các

TNC hàng đầu thế giới đầu tư vào Trung Quốc.

Trong điều chỉnh chính sách lao động của Trung Quốc, một nội dung mới đó là Trung Quốc nỗ lực thu hút nguồn nhân lực trình độ cao từ nước ngoài vào Trung Quốc để tham gia nghiên cứu và làm việc. Trung Quốc đề ra các kế hoạch như “*Kế hoạch trăm người*”, “*Kế hoạch thu hút nhân tài kiệt xuất từ nước ngoài*”, “*Kế hoạch đội sáng tạo hợp tác quốc tế*” với sự tài trợ của chính phủ cho các dự án nghiên cứu của các trường đại học và viện nghiên cứu tuyển dụng đội ngũ nhân lực này. Trung Quốc còn cử các đoàn tuyển dụng nhân tài quy mô lớn sang các nước châu Âu và Mỹ để tuyển dụng. Năm 2007, Viện Khoa học Trung Quốc đã tiến hành chuyến đi tuyển dụng này. Đối tượng được tuyển dụng là các lưu học sinh Trung Quốc ưu tú tại các trường đại học nước ngoài. Trong gần 15 năm qua, Trung Quốc cũng đã nỗ lực thu hút chất xám là những nhân tài khoa học, kỹ thuật người Trung Quốc từ Mỹ trở về nước để làm việc. Tháng 12-2008, chương trình “*Hàng nghìn nhân tài*” với mục tiêu là đưa 2000 người về nước trong giai đoạn 2008-2018. Vì vậy tháng 6-2010, Trung Quốc đã ban hành *Đề cương Quy hoạch phát triển nhân tài trung và dài hạn quốc gia (2010-2020)* nhằm xây dựng đội ngũ nhân lực là các chuyên gia về khoa học, kỹ thuật và nhân lực có trình độ, có sức cạnh tranh trên thế giới. Đề cương đưa ra mục tiêu tổng thể phát triển đến năm 2020, lực lượng nhân lực có trình độ và trình độ cao

phải tăng từ 114 triệu người hiện nay lên đến 180 triệu người, tỷ lệ số người có trình độ đại học trong độ tuổi lao động phải đạt 20% thay cho gần 10% như hiện nay. Trung Quốc xây dựng đội ngũ nhân tài trong các lĩnh vực trọng điểm phát triển kinh tế, xã hội như chế tạo, thông tin, công nghệ sinh học, hàng không, vũ trụ... Để cương đưa ra các chính sách quan trọng để đảm bảo các mục tiêu đề ra phải đạt được như chính sách thuế, tài chính, chính sách hỗ trợ nhân tài lập nghiệp, chính sách bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.^[7]

2. Kết luận

Trước khi gia nhập WTO, Trung Quốc rất cần nguồn vốn FDI để đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế, phát triển cơ sở hạ tầng, đẩy mạnh xuất khẩu. Quan điểm Trung Quốc trong giai đoạn này là thu hút FDI bằng mọi cách. Chính vì vậy việc điều chỉnh chính sách FDI trong thời kỳ này đã tăng nhiều ưu đãi, đồng thời cũng “dễ dãi” với các nguồn công nghệ mà các doanh nghiệp có vốn FDI đưa vào. Chất lượng FDI của giai đoạn này chưa cao mặc dù quy mô FDI đầu tư vào Trung Quốc ngày càng lớn.

Sau khi gia nhập WTO, những yêu cầu mới từ trong nước và bối cảnh thế giới buộc Trung Quốc phải điều chỉnh chính sách FDI. Trung Quốc đã định hướng lại mục tiêu thu hút nguồn vốn này. Với một thành quả tăng trưởng mạnh mẽ, nguồn dự trữ ngoại tệ rất lớn- đứng hàng đầu trên thế giới. Với một vị thế mới làm tăng sức mạnh của Trung Quốc trong thỏa

thuận, Trung Quốc đã đặt ra mục tiêu nâng cao chất lượng của nguồn vốn này như chọn lọc công nghệ cao và hạn chế việc tiêu thụ nhiều năng lượng, hạn chế ô nhiễm môi trường, sử dụng nguồn lao động có năng lực cao, đẩy mạnh các hoạt động R&D. Trung Quốc đã điều chỉnh các chính sách FDI theo mục tiêu này, một mặt tạo ra khung khổ pháp lý rõ ràng và chặt chẽ vừa đáp ứng yêu cầu của các nhà đầu tư nước ngoài, mặt khác cùng với giúp chính phủ Trung Quốc kiểm soát tốt hơn và khai thác có hiệu quả hơn nguồn vốn FDI.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Kim Bảo: *Đầu tư trực tiếp của nước ngoài ở Trung Quốc từ năm 1979 đến nay*. Luận án tiến sĩ năm 1996.
2. Đỗ Minh Cao: *Vấn đề môi trường và kinh nghiệm quản lý của Trung Quốc*. Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, tháng 8 năm 2008.
3. Phạm Thái Quốc: *Trung Quốc những năm đầu thế kỷ 21 và triển vọng*. Viện Kinh tế và chính trị thế giới: Vấn đề và xu hướng tiến triển. NXB Lao động. 2008.
4. Đề tài trọng điểm Đại học Quốc gia Hà Nội “*Điều chỉnh chính sách đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế*”. Năm 2009.
5. http://translate.google.com.vn/translate?hl=vi&langpair=en%7Cvi&u=http://www.lincolninst.edu/pubs/793_Urban-Land-Policy-Reform-in-China
6. <http://vietbao.vn/Kinh-te/Trung-Quoc-noi-khong-voi-tu-nhan-hoa-dat-dai/20659552/48/>
7. <http://www.baomoi.com/Info/Chinh-sach-dao-tao-thu-hut-nhan-tai-cua-Trung-Quoc/45/4721143.epi>

